

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm sâu dưới áp lực chốt lời gia tăng khi nhà đầu tư tỏ ra lo ngại trước các thông tin liên quan đến dư nợ margin ở các công ty chứng khoán đạt mức cao kỷ lục

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay do diễn biến tiêu cực của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PGV

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, có thể trải mua 1 phần nhỏ tỷ trọng vị thế trading T+ khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ gần nhưng cần Stop ngay khi chỉ số đánh mất cận dưới của vùng hỗ trợ.

19/01/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,131.00	-5.11
VN30	1,107.32	-5.63
HĐTL VN30F1M	1,104.80	-6.13
HNXIndex	224.02	-2.81
HNX30	354.39	-6.24
UPCoM	76.15	-3.06
USD/VND	23,071	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.13	-6
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+5
Dầu (WTI, \$)	52.48	+0.23
Vàng (LME, \$)	1,843.01	+0.10



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,131.00 (-5.11%)
KLGD (triệu CP) 923.2 (+36.5%)
GTGD (triệu US\$) 882.6 (+18.6%)

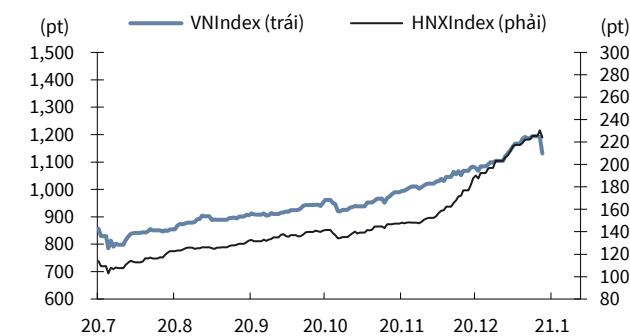
HNXIndex 224.02 (-2.81%)
KLGD (triệu CP) 264.4 (+70.1%)
GTGD (triệu US\$) 157.4 (+57.0%)

UPCoM 76.15 (-3.06%)
KLGD (triệu CP) 84.8 (+33.3%)
GTGD (triệu US\$) 51.7 (+38.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +6.6

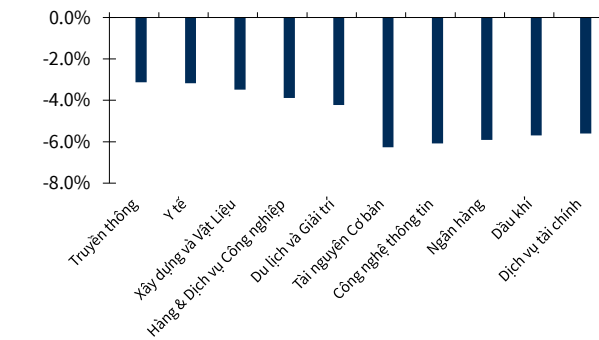
TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm sâu dưới áp lực chốt lời gia tăng khi nhà đầu tư tỏ ra lo ngại trước các thông tin liên quan đến dư nợ margin ở các công ty chứng khoán đạt mức cao kỷ lục. Nhóm cổ phiếu tài chính đồng loạt giảm sàn và là nguyên nhân chính khiến thị trường lao dốc, có thể thấy ở cổ phiếu ngân hàng như CTG (-7%), BID (-7%), cổ phiếu chứng khoán như SSI (-6.9%), HCM (-6.9%), cổ phiếu ngành bảo hiểm như PVI (-9.9%), BMI (-6.9%). Cổ phiếu chăn nuôi heo như DBC (-6%), MML (-5.6%) giảm giá trước nhận định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn về việc nguồn cung thịt heo được đảm bảo, giá thịt heo sẽ khó tăng mạnh trong mùa cao điểm dịp Tết năm nay. Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp như KBC (0%), VRG (+6.5%) tiếp tục giao dịch tích cực hơn thị trường chung sau thông tin Foxconn sẽ mở nhà máy sản xuất macbook, ipad tại Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ ở VRE (-0.1%), VHM (-4.2%), LPB (-6.4%).

VNIndex & HNXIndex



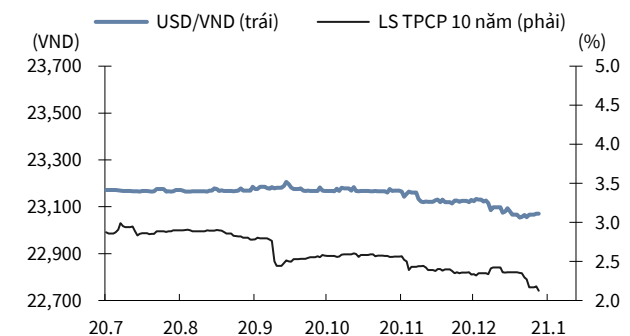
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



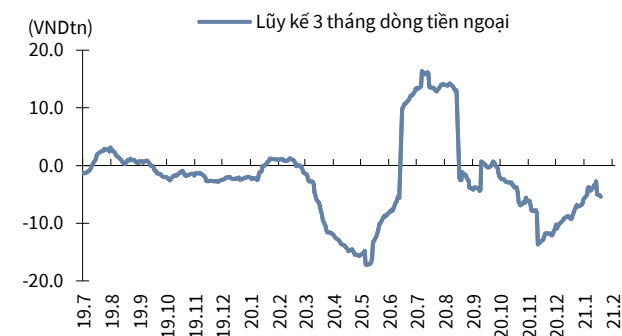
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



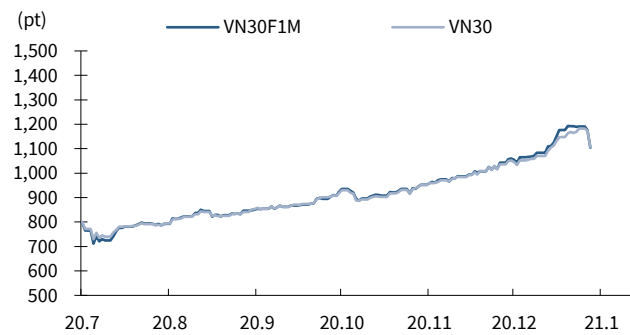
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,107.32 (-5.63%)
VN30F1M	1,104.8 (-6.13%)
Mở cửa	1,178.0
Cao nhất	1,179.0
Thấp nhất	1,094.7
KLGD (HĐ)	243,317 (+152.9%)

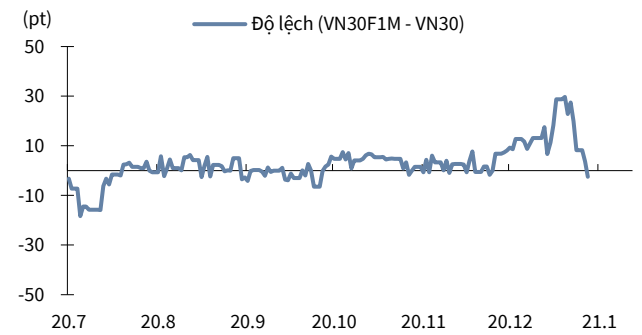
HĐTL giảm điểm trong phiên hôm nay do diễn biến tiêu cực của thị trường cơ sở khiến bên SHORT gia tăng trạng thái. Chênh lệch F2101 và VN30 mở cửa ở mức 5.56 và giao động quanh 4.5 và 10.7 trước khi giảm mạnh vào cuối phiên sáng xuống mức -18.7 khi thị trường cơ sở có dấu hiệu bị bán tháo. Chênh lệch hồi phục nhẹ vào phiên chiều, đóng phiên ở -2.52. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay và thanh khoản tăng mạnh do thị trường biến động.

HĐTL VN30F1M & VN30



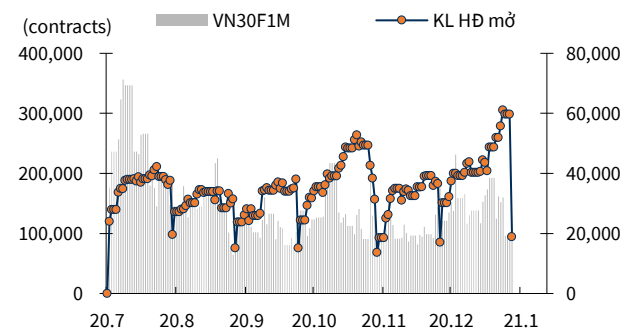
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



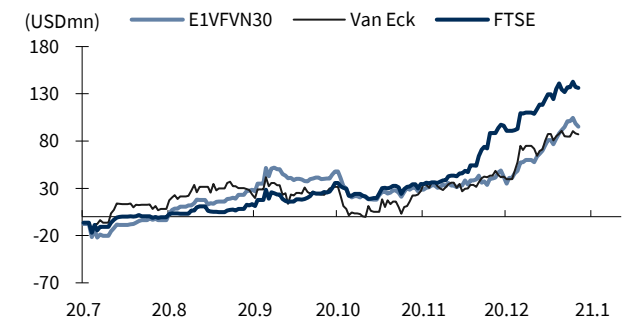
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

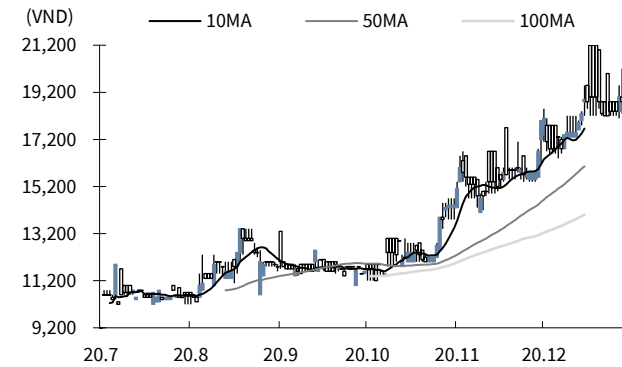
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

EVN Genco 3 (PGV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PGV tăng 0.5% lên 18,800 VND/cp.
- PGV vừa công bố lãi trước thuế 2020 đạt 2,244 tỷ (+152% yoy) và doanh thu 38,664 tỷ (-6.5% yoy). Sản lượng điện sản xuất cả năm của công ty mẹ đạt 31,102 triệu kWh (-3% yoy và thực hiện 95,36% kế hoạch năm).
- Sản lượng điện theo cơ cấu nguồn điện của công ty cũng có sự thay đổi. Cụ thể, sản lượng điện từ thủy điện và điện mặt trời lần lượt đạt mức tăng 10,2% và 110%, nhiệt điện than cũng tăng nhẹ 2,54% trong khi nhiệt điện khí giảm 13% so với năm trước.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp hồi phục nhẹ vào đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm và dần mở rộng đà lao dốc về cuối phiên.
- Mặc dù xu hướng tăng trung hạn vẫn đang được bảo lưu, nhưng sau nhịp tăng nóng kéo dài, chỉ số đang đối mặt với áp lực điều chỉnh ngắn hạn với 3 mốc hỗ trợ đáng chú ý, gần là 1095-1010, trung là 1065-1080 và sâu là 1030-1050.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, có thể trải mua 1 phần nhỏ tỷ trọng vị thế trading T+ khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ gần nhưng cần Stop ngay khi chỉ số đánh mất cận dưới của vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1150-1160

Kháng cự gần: 1130-1135

Hỗ trợ gần: 1085-1090

Hỗ trợ xa: 1050-1065

- F1 hồi phục nhẹ vào đầu phiên trước khi đảo chiều giảm điểm và mở rộng đà lao dốc về cuối phiên.
- Mặc dù xu hướng tăng trung hạn vẫn hiện hữu, nhưng sau nhịp tăng nóng kéo dài, chỉ số đang đối mặt với áp lực điều chỉnh ngắn hạn với 3 vùng hỗ trợ đáng chú ý: gần là 1085-1100, trung là 1050-1065 và sâu là 1015-1035.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều nhưng cần đặt STOP chặt khi thị trường đang trong trạng thái biến động mạnh.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở 1 phần vị thế LONG qua đêm khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ trung nhưng đặt Stop chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

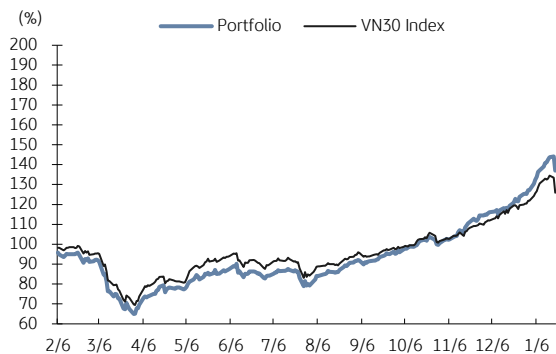
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-5.63%	-4.95%
Tăng lũy kế (YTD)	25.97%	36.99%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	120,000	-5.1%	3.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	31,900	-3.3%	30.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	79,000	-5.8%	3.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	24,400	-6.9%	43.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	52,800	-2.0%	55.3%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	62,000	-6.5%	85.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	35,900	-7.0%	47.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	85,000	-6.2%	15.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	41,600	-6.7%	112.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	36,800	0.0%	168.6%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	-0.1%	31.3%	72.7
VHM	-4.2%	22.1%	71.4
LPB	-6.4%	3.2%	32.8
VJC	-3.1%	18.8%	31.4
DXG	-4.7%	34.6%	27.9
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-6.7%	32.1%	-79.5
VND	-6.9%	25.8%	-25.1
HDB	-7.0%	17.4%	-24.9
BID	-7.0%	17.4%	-19.1
AGG	-4.6%	14.9%	-14.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.3%	7.5%	-9.3
NVB	-9.7%	4.8%	0.6
SZB	-2.7%	4.8%	0.5
IDV	-2.0%	17.2%	0.5
PLC	9.2%	1.8%	-1.5
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-9.1%	6.5%	-18.8
PVS	-9.6%	10.6%	-6.5
BVS	-9.8%	14.9%	-3.6
VCS	-4.4%	3.4%	-2.9
TNG	-1.9%	3.9%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	3.4%	GVR, NHH
Dịch vụ tài chính	-0.7%	FIT, AGR
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.0%	TCM, GMC
Y tế	-2.6%	DCL, SJF
Ô tô và phụ tùng	-2.7%	HTL, TMT
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-8.7%	BVH, MIG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-7.4%	GAS, POW
Dầu khí	-6.6%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-6.1%	HPG, HSG
Bất động sản	-5.8%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	15.6%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	14.1%	SSI, FIT
Công nghệ thông tin	8.8%	FPT, SAM
Hóa chất	8.4%	GVR, NHH
Bất động sản	7.9%	VHM, BCM
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.0%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.9%	LGC, APH
Thực phẩm và đồ uống	1.2%	SAB, HNG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%	GAS, NT2
Bán lẻ	1.4%	MWG, DGW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	102,700	347,376 (15,057)	108,624 (4.7)	22.7	61.6	42.1	14.2	6.4	8.5	3.6	3.3	-6.9	-10.2	-1.9	-5.1
	VHM	VINHOMES JSC	96,800	318,425 (13,802)	256,315 (11.1)	26.9	12.0	10.1	34.2	36.8	30.9	3.7	2.8	-4.2	-6.4	13.5	8.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	37,300	84,757 (3,674)	269,895 (11.7)	17.7	37.4	27.0	-11.8	8.2	10.8	2.9	2.7	-0.1	1.6	23.7	18.8
	NVL	NO VA LAND INVES	70,000	69,040 (2,993)	347,415 (15.0)	31.9	17.9	17.1	3.1	14.7	13.5	2.6	2.3	-2.4	-7.2	6.1	6.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,900	17,826 (773)	46,604 (2.0)	11.0	16.4	14.3	13.9	14.0	15.1	2.2	2.0	-5.2	-4.2	15.2	8.9
	DXG	DAT XANH GROUP	17,300	8,966 (389)	167,294 (7.2)	14.4	16.9	8.6	-53.8	4.3	13.6	1.2	1.1	-4.7	-2.0	16.9	8.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	99,000	367,179 (15,915)	86,360 (3.7)	6.3	22.8	18.6	10.8	19.2	19.3	3.9	3.2	-4.2	-6.3	0.1	1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	45,250	181,996 (7,889)	108,832 (4.7)	12.6	32.5	20.5	-7.2	9.3	12.2	2.3	2.1	-7.0	-7.2	-3.7	-5.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	33,900	118,816 (5,150)	548,641 (23.8)	0.0	10.6	9.2	9.3	16.8	16.4	1.6	1.4	-6.4	-3.4	16.1	7.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	35,900	133,670 (5,794)	326,454 (14.1)	1.2	14.2	10.7	31.2	12.6	14.8	1.6	1.4	-7.0	-6.8	3.8	3.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	33,900	83,216 (3,607)	195,294 (8.5)	0.0	9.1	7.9	10.5	19.0	18.5	1.6	1.4	-7.0	-2.9	7.1	4.3
	MBB	MILITARY COMMERC	24,400	68,290 (2,960)	499,908 (21.7)	0.0	8.6	7.6	12.3	18.9	17.9	1.4	1.2	-6.9	-6.7	6.6	7.1
	HDB	HDBANK	25,350	40,402 (1,751)	150,107 (6.5)	4.1	8.9	7.6	24.7	19.2	19.0	1.6	1.3	-7.0	-5.2	7.0	6.7
	STB	SACOMBANK	19,200	34,630 (1,501)	593,571 (25.7)	14.2	19.8	15.5	11.5	7.1	8.4	1.2	1.2	-6.8	-3.0	12.9	13.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,950	28,835 (1,250)	96,925 (4.2)	0.0	8.5	7.9	34.8	22.3	19.9	1.8	1.4	-3.0	-0.2	12.2	4.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	20,200	24,835 (1,076)	13,473 (0.6)	0.0	29.1	33.3	13.6	5.3	4.4	1.5	1.4	-5.8	0.0	17.4	4.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	65,000	48,251 (2,091)	90,851 (3.9)	20.7	38.4	30.8	4.0	6.6	8.2	2.4	2.3	-5.2	-4.7	13.8	-1.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,500	2,695 (117)	26,006 (1.1)	14.9	16.1	14.2	9.7	8.5	9.4	1.2	1.1	-6.9	-11.9	1.2	-3.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,800	20,247 (878)	432,451 (18.7)	54.7	17.6	16.5	-4.1	10.3	11.7	-	-	-6.9	-0.9	26.1	2.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	60,500	10,019 (434)	98,106 (4.2)	72.7	-	-	-	11.1	13.0	-	-	-5.5	0.2	28.9	4.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,000	9,456 (410)	183,658 (8.0)	52.1	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-6.9	-4.0	6.2	-1.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,550	5,953 (258)	151,160 (6.5)	23.2	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-6.9	-3.7	18.2	-4.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,700	225,055 (9,755)	288,161 (12.5)	42.2	22.0	19.8	6.8	38.9	39.1	7.7	7.0	-4.9	-7.4	-2.4	-1.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	193,000	123,767 (5,365)	26,240 (1.1)	36.9	29.1	23.7	3.5	22.4	24.9	6.0	5.4	-3.7	-6.1	-4.4	-1.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	90,900	106,779 (4,628)	165,407 (7.2)	15.4	98.3	40.4	-52.5	3.5	9.7	3.4	3.1	-4.4	-3.3	8.1	2.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,450	16,019 (694)	148,914 (6.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	-10.2	-1.0	-0.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	127,900	66,999 (2,904)	85,122 (3.7)	11.3	-	30.7	-	-4.3	14.1	4.6	4.1	-3.1	-2.7	2.3	2.3
	GMD	GEMADEPT CORP	32,500	9,795 (425)	150,546 (6.5)	10.6	23.8	21.9	-53.1	7.1	7.5	1.6	1.6	-6.9	-10.6	-0.8	-0.3
	CII	HO CHI MINH CITY	23,000	5,493 (238)	69,615 (3.0)	40.7	12.1	11.4	136.8	9.1	8.9	1.1	1.0	-2.3	-5.3	18.6	7.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,640	2,066 (090)	57,616 (2.5)	46.1	-	-	-	-	-	-	-	-2.7	26.8	65.5	43.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,200	10,700 (464)	242,776 (10.5)	37.2	30.4	12.8	-17.7	11.3	12.4	-	-	-6.9	-9.2	6.7	-1.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	78,300	5,974 (259)	111,841 (4.8)	3.1	12.0	10.9	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	-6.8	-6.9	10.6	0.8
	REE	REE	52,800	16,318 (707)	29,794 (1.3)	0.0	11.0	9.7	-8.7	13.4	13.6	1.4	1.3	-2.0	-0.6	13.3	7.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	85,000	162,686 (7,052)	96,278 (4.2)	45.9	20.0	16.6	-14.9	17.0	19.3	3.3	3.3	-6.2	-9.2	0.1	-1.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,600	6,794 (294)	22,414 (1.0)	30.6	10.7	10.0	-8.4	13.7	16.9	1.7	1.6	-5.8	-8.3	-0.2	-4.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,000	8,015 (347)	10,626 (0.5)	33.9	9.6	9.6	-5.3	14.4	14.3	1.3	1.3	-1.8	-4.2	4.2	2.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	41,600	137,833 (5,974)	810,793 (35.1)	16.9	12.0	9.5	15.5	21.1	22.1	2.5	2.1	-6.7	-7.3	7.8	0.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,700	7,318 (317)	69,558 (3.0)	36.3	10.3	11.4	8.0	9.7	8.9	0.9	0.8	-7.0	-4.1	3.9	-0.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,250	7,544 (327)	69,926 (3.0)	46.0	13.3	17.5	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	-5.6	-0.3	15.4	1.8
	HSG	HOA SEN GROUP	24,400	10,841 (470)	183,439 (7.9)	37.6	9.4	8.5	67.9	15.9	15.5	1.4	1.2	-4.3	-2.8	12.2	10.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,400	3,193 (138)	61,896 (2.7)	97.0	7.9	8.4	38.5	11.7	10.1	0.9	0.9	-6.8	-7.1	7.9	0.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,000	64,597 (2,800)	51,177 (2.2)	4.3	61.5	19.6	-44.1	4.9	15.3	2.8	2.6	-5.5	-7.5	-1.5	-2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	21,550	9,075 (393)	205,054 (8.9)	39.9	68.7	67.7	-6.2	0.9	0.9	0.7	0.7	-6.9	0.7	50.2	33.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,600	5,373 (233)	73,275 (3.2)	34.8	10.5	10.1	-8.6	11.1	10.4	1.0	0.9	-3.5	8.5	25.3	18.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	120,000	54,313 (2,354)	139,203 (6.0)	0.0	14.0	10.8	13.2	28.5	29.0	3.5	2.8	-5.1	-4.9	4.3	0.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	79,000	17,968 (779)	54,335 (2.4)	0.5	18.4	15.0	3.4	21.5	22.5	3.5	3.1	-5.8	-4.7	2.2	-2.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	43,500	1,361 (059)	2,284 (0.1)	70.5	18.3	13.3	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-3.3	-5.4	-4.8	-5.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	31,950	2,523 (109)	81,307 (3.5)	31.5	76.2	22.8	-48.9	2.8	9.3	2.1	2.0	-7.0	-6.6	10.2	-0.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	67,500	9,146 (396)	68,831 (3.0)	35.0	10.4	9.6	29.5	35.5	32.6	-	-	-4.3	-3.4	5.6	7.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,000	13,467 (584)	1,788 (0.1)	45.3	17.9	17.7	13.6	21.4	20.3	3.5	3.3	-3.0	-2.6	-1.3	-1.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	73,800	5,536 (240)	690 (0.0)	11.7	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	-2.4	-3.0	-3.5
IT	FPT	FPT CORP	62,000	48,602 (2,107)	129,066 (5.6)	0.0	14.4	12.2	19.4	23.5	25.1	3.0	2.7	-6.5	-5.8	9.0	4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.